

THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Ths. Nguyễn Thị Mộng Thu* - Ths. Trịnh Thị Trâm Anh** - Ths. Trần Nhật Trường**

Nghiên cứu này đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp khởi nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên được sử dụng với cỡ mẫu khảo sát là 363. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi có cấu trúc. Các phương pháp phân tích bao gồm thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính. Kết quả từ phân tích hồi quy chỉ ra rằng các yếu tố tác động đến quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp khởi nghiệp theo thứ tự quan trọng từ cao đến thấp là: (1) Nguồn nhân lực của doanh nghiệp; (2) Chiến lược kinh doanh số; (3) Nền tảng công nghệ; (4) Tinh thần khởi nghiệp; (5) Chính sách pháp luật và sự hỗ trợ từ Chính phủ.

• Từ khóa: thúc đẩy, chuyển đổi số, doanh nghiệp khởi nghiệp, TP. Hồ Chí Minh.

This study has identified the factors influencing the process of promoting digital transformation in startups in Ho Chi Minh City. A random sampling technique was used with a sample size of 363. Data was collected through a structured questionnaire. The analysis methods included descriptive statistics, exploratory factor analysis (EFA), and linear regression analysis. The results from the regression analysis indicate that the factors affecting the digital transformation process of startups, in order of importance from highest to lowest, are: (1) Human resources of the enterprise; (2) Digital business strategy; (3) Technological infrastructure; (4) Entrepreneurial spirit; (5) Legal policies and government support.

• Key words: promotion, digital transformation, startups, Ho Chi Minh City.

Ngày gửi bài: 29/4/2025

Ngày gửi phản biện: 08/5/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 24/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 21/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i296.18>

Giới thiệu

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng toàn cầu, đánh dấu bước ngoặt trong việc ứng dụng công nghệ vào kinh doanh. TP. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế và khởi nghiệp sôi động nhất Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), TP. Hồ Chí Minh có 274.067 doanh nghiệp, trong đó 45.425 doanh nghiệp mới thành lập, chiếm 30,6% tổng số doanh nghiệp mới cả nước. Điều này cho thấy thành phố giữ vai trò trọng yếu trong nền kinh tế và đóng góp lớn vào GDP quốc gia.

* Trường ĐH Công nghệ TP. HCM (HUTECH); email: thuntm1908@gmail.com

** Trường ĐH Văn Hiến

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp tại đây vẫn gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ số do thiếu kiến thức, nguồn lực và sự hỗ trợ cần thiết. Dù nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, họ vẫn đối mặt với rào cản về đầu tư hạ tầng công nghệ và thiếu chính sách hỗ trợ đồng bộ. Đồng thời, Doanh nghiệp khởi nghiệp cũng là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Để duy trì đà phát triển, cần có giải pháp giúp họ nhanh chóng thích ứng với quá trình chuyển đổi số.

Nghiên cứu này nhằm tìm kiếm giải pháp thực tiễn hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp vào sự phát triển bền vững của TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, đề tài “Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh” được lựa chọn, với hy vọng cung cấp căn cứ khoa học và khuyến nghị thiết thực cho các nhà quản lý chính sách và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp.

Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết

Siebel (2019) cho rằng chuyển đổi số là sự kết hợp của bốn công nghệ đột phá: điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI). Sự hội tụ của các công nghệ này tạo ra tác động sâu rộng, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực. Các nhà quản lý hiện đang quan tâm đến chuyển đổi số để điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, nhà quản lý nhân sự coi đây là công cụ tái cấu trúc doanh nghiệp và ngành nghề, trong khi nhà quản lý kỹ thuật tập trung vào ứng dụng công nghệ để tạo ra giá trị mới.

Theo Matzler và cộng sự (2016), chuyển đổi số là sự kết hợp các công nghệ hiện đại, như điện toán đám mây và dữ liệu lớn, nhằm phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh mới. Nambisan, Wright & Feldman

(2019) nhận định rằng cuộc cách mạng kỹ thuật số đã mang lại những thay đổi lớn cho doanh nghiệp, mở ra cơ hội cho các doanh nhân. Dethine và cộng sự (2020) cho rằng chuyển đổi số mô tả sự thay đổi của tổ chức dưới tác động của công nghệ, gắn liền với Công nghiệp 4.0 (Alcacer & Cruz-Machado, 2019).

Việc số hóa quy trình kinh doanh trong Công nghiệp 4.0 giúp kết nối công nghệ với quản lý doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy giao tiếp và hợp tác xuyên quốc gia. Các công nghệ này còn hỗ trợ sự ra đời của sản phẩm và dịch vụ mới (Kohtamaki và cộng sự, 2021), ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế và cấu trúc thể chế. Chúng cũng thay đổi tốc độ, phương thức gia nhập thị trường quốc tế (Vadana và cộng sự, 2021) và khả năng tiếp cận nguồn lực của doanh nghiệp (Coviello và cộng sự, 2017).

Như vậy, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ mà còn là một quá trình thay đổi toàn diện, tạo ra những cơ hội và thách thức lớn đối với doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa.

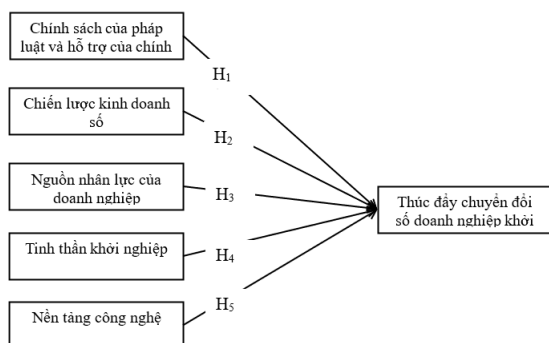
Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích so sánh, thống kê mô tả và tổng hợp thông tin thứ cấp từ các tài liệu hiện có để xây dựng khung lý thuyết, mô hình và giả thuyết nghiên cứu. Dữ liệu được thu thập nhằm đánh giá, chuẩn hóa ngữ nghĩa và bổ sung thang đo phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Cuộc khảo sát chính thức được thực hiện với 363 quản lý tại các công ty khởi nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh từ 10/2023 đến 08/2024.

Đánh giá sơ bộ sử dụng Cronbach's Alpha và phân tích yếu tố thăm dò (EFA) để kiểm tra độ tin cậy của thang đo. Các chỉ số như giá trị F, R², hệ số tương quan, hệ số lạm phát phương sai (VIF) được phân tích để kiểm tra tính phù hợp của mô hình. Sau đó, nghiên cứu sử dụng hồi quy bội để kiểm định giả thuyết. Cuối cùng, độ tin cậy của thang đo được xác thực thông qua Cronbach's Alpha, EFA, CFA, hồi quy tuyến tính và mô hình SEM, đảm bảo tính chính xác và giá trị của kết quả nghiên cứu.

Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả đề xuất

Bảng 1: Thang đo các nhân tố và nguồn tham khảo

Mã hóa	Nội dung thang đo	Nguồn
Chính sách của pháp luật và hỗ trợ của chính phủ		
CS1	Chính phủ khuyến khích các DN khởi nghiệp chuyển đổi số	Chữ Bá Quyết, Hoàng Cao Cường (2020), Zhu, Kraemer, & Xu, (2006)
CS2	Chính sách công nghệ cho chuyển đổi số tại các doanh nghiệp khởi nghiệp	
CS3	Có các chính sách pháp luật dành cho quá chuyển đổi số tại các doanh nghiệp khởi nghiệp	
Chiến lược kinh doanh số		
CL1	Mục tiêu của quá trình chuyển đổi số được đề cập trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp.	Bộ Thông tin và Truyền thông (2021); Chữ Bá Quyết (2021); Stoianova & cộng sự (2020); Putthiwat & cộng sự (2021)
CL2	Doanh nghiệp khởi nghiệp xác định việc thành lập văn phòng online trong kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp	
CL3	Doanh nghiệp khởi nghiệp có triển khai sử dụng các hệ thống cơ sở dữ liệu để kinh doanh	
CL4	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp hướng đến thay đổi mô hình hoạt động số	
Nguồn nhân lực của doanh nghiệp		
NNL1	Nhân viên tại doanh nghiệp có kiến thức về chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay	Bang-Ning Hwang, Chi-Yo Huang, Chih-Hsiung Wu (2016), Chữ Bá Quyết, Hoàng Cao Cường (2020)
NNL2	Nhân viên trong doanh nghiệp hiểu rõ chiến lược chuyển đổi số mà doanh nghiệp đang triển khai	
NNL3	Nhân viên trong doanh nghiệp có thái độ tích cực đối với chiến lược chuyển đổi số mà doanh nghiệp đề ra	
Tinh thần khởi nghiệp		
TTKN1	Doanh nghiệp khởi nghiệp nỗ lực đổi mới mô hình kinh doanh thông qua chuyển đổi số	Fan et al. (2021), Rafiki et al. (2021)
TTKN2	Doanh nghiệp khởi nghiệp khuyến khích ý tưởng và mối liên quan đến quá trình chuyển đổi số	
TTKN3	Doanh nghiệp khởi nghiệp sẵn sàng chấp nhận các rủi ro khi áp dụng quy trình chuyển đổi số	
Nền tảng công nghệ		
NTCN1	Doanh nghiệp khởi nghiệp đang sử dụng trang các web để thu thập thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), Nguyễn Thị Kim Ánh, (2020)
NTCN2	Doanh nghiệp khởi nghiệp luôn tạo điều kiện cho nhân sự sử dụng thiết bị điện tử cá nhân phục vụ cho quá trình làm việc	
NTCN3	Doanh nghiệp khởi nghiệp đang sử dụng hệ thống tương tác trực tuyến nội bộ để giảm giao việc trực tiếp khi làm việc	
NTCN4	Doanh nghiệp khởi nghiệp đã tạo được không gian làm việc trên các nền tảng số	
Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp khởi nghiệp		
CDS1	Thúc đẩy chuyển đổi số mang đến lợi ích cho doanh nghiệp	Bang-Ning Hwang, Chi-Yo Huang, Chih-Hsiung Wu (2016), Putthiwat & cộng sự (2021), Chữ Bá Quyết, Hoàng Cao Cường (2020)
CDS2	Thúc đẩy chuyển đổi số mang đến lợi ích cho nhân viên doanh nghiệp	
CDS3	Thúc đẩy chuyển đổi số làm cho doanh nghiệp nâng cao vị thế cạnh tranh	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Kết quả nghiên cứu

Phân tích độ tin cậy thang đo

Bảng 2: Phân tích độ tin cậy thang đo

STT	Thang đo	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan - biến tổng nhỏ nhất
1	Chính sách của pháp luật và hỗ trợ của chính phủ (CS)	3	0,950	0,869
2	Chiến lược kinh doanh số (CL)	4	0,833	0,456
3	Nguồn nhân lực của doanh nghiệp (NNL)	3	0,822	0,675
4	Tinh thần khởi nghiệp (TTKN)	3	0,875	0,585
5	Nền tảng công nghệ (NTCN)	4	0,889	0,686
6	Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp khởi nghiệp (CDS)	3	0,837	0,687

Nguồn: Tác giả tổng hợp và xử lý

Kết luận: Sau khi tiến hành đo lường mức độ độ tin cậy của các yếu tố thúc đẩy chuyển đổi số thông qua hệ số Cronbach's Alpha của các yếu tố đều > 0,7 và Hệ số tương quan - biến tổng nhỏ nhất của các yếu tố đều > 0,3 đều thỏa mãn yêu cầu để thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) bước tiếp theo.

Phân tích EFA: Kết quả kiểm định Barlett's cho thấy giữa các biến trong mô hình tổng thể có mối tương quan với nhau ($\text{Sig} = 0,00 < 0,05$). Đồng thời, sau khi phân tích hệ số KMO = $0,715 > 0,5$, chứng tỏ phân tích yếu tố để nhóm các biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích yếu tố tác động đến quá trình thúc đẩy chuyển đổi số.

Bảng 3: Bảng phương sai trích

Yếu tố	Tổng phương sai được giải thích								
	Giá trị Eigenvalues			Chỉ số sau khi trích			Chỉ số sau khi xoay		
	Tổng	Phương sai trích	Tích lũy phương sai trích	Tổng	Phương sai trích	Tích lũy phương sai trích	Tổng	Phương sai trích	Tích lũy phương sai trích
NTCN	3.304	19.433	19.433	3.304	19.433	19.433	3.025	17.797	17.797
CS	2.905	17.090	36.524	2.905	17.090	36.524	2.738	16.105	33.901
CL	2.479	14.585	51.109	2.479	14.585	51.109	2.692	15.837	49.739
TTKN	2.403	14.137	65.246	2.403	14.137	65.246	2.441	14.359	64.097
NNL	2.036	11.977	77.223	2.036	11.977	77.223	2.231	13.125	77.223

Phương pháp chiết xuất: Phân tích thành phần chính.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Phân tích EFA của thang đo các biến độc lập

Kết quả EFA cho thấy 17 biến quan sát trong 5 thành phần thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thúc đẩy chuyển đổi số của doanh nghiệp khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh được rút trích thành 6 thành phần với hệ số KMO = $0,715$, chứng tỏ EFA phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett's có Chi-square = 5119.160 , $\text{Sig} = 0,000$, xác nhận các biến quan sát có tương quan trong tổng thể nghiên cứu.

Hệ số eigenvalue = $1,630$ và phương sai trích = $77,223\%$ cho thấy dữ liệu phân tích phù hợp. Cuối cùng, sau khi phân tích EFA, thang đo vẫn giữ 5 thành phần với 17 biến quan sát, đảm bảo độ tin cậy và giá trị của các yếu tố trích ra.

Phân tích EFA của thang đo biến phụ thuộc quyết định

Với kết quả EFA, 3 biến thành phần được rút trích thành 1 yếu tố trong nghiên cứu và hệ số tải yếu tố đều lớn hơn 0.5 nên các biến này đều có ý nghĩa đối với thực tiễn. Hệ số KMO = 0.725 nên EFA phù hợp với dữ liệu đã phân tích. Thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett's đạt giá trị 524.672 với mức ý nghĩa $0,000$ tại hệ số eigenvalue bằng 2.261 vì thế các biến quan sát có mối tương quan với nhau. Phương sai trích đạt 75.383% thể hiện rằng 1 yếu tố rút ra giải thích được 75.383% biến thiên của dữ liệu. Cùng với hệ số tin cậy Cronbach's Alpha bằng 0.725 thì thang đo mức độ thúc đẩy đạt yêu cầu.

Phân tích yếu tố xác nhận (CFA)

Theo Hu & Bentler (1999), Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives, Structural Equation Modeling các chỉ số được xem xét để đánh giá Model Fit phổ biến gồm

$\text{CMIN/df} \leq 3$ là tốt, $\text{CMIN/df} \leq 5$ là chấp nhận được

$\text{CFI} \geq 0.9$ là tốt, $\text{CFI} \geq 0.95$ là rất tốt, $\text{CFI} \geq 0.8$ là chấp nhận được

$\text{GFI} \geq 0.9$ là tốt, $\text{GFI} \geq 0.95$ là rất tốt

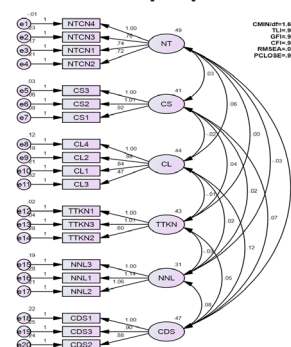
$\text{TLI} \geq 0.9$ là tốt

$\text{RMSEA} \leq 0.06$ là tốt, $\text{RMSEA} \leq 0.08$ là chấp nhận được

$\text{PCLOSE} \geq 0.05$ là tốt, $\text{PCLOSE} \geq 0.01$ là chấp nhận được

Kết quả phân tích về mức độ liên quan tổng thể, phân tích yếu tố xác nhận rằng mô hình này với $p = 0,000$. Chỉ số bình phương tương đối cho bậc tự do CMIN/df là $1,687 (< 3)$ là tốt. Các chỉ số khác là: $\text{GFI} = 0,947 (> 0,9)$ là tốt, $\text{TLI} = 0,977 (> 0,9)$ là tốt, $\text{CFI} = 0,981 (> 0,95)$ là rất tốt, $\text{RMSEA} = 0,039 (< 0,06)$ là tốt và $\text{PCLOSE} = 0.986 (< 0,05)$ là tốt. Do đó, mô hình này phù hợp với dữ liệu thị trường. Điều này cũng cho phép chúng ta nói rằng có sự tác động của các biến quan sát. Giá trị hội tụ, trọng số chuẩn của tất cả các thang đo là $> 0,5$ và có ý nghĩa thống kê ở $p < 0,5$. Do đó, các thang đo đạt được các giá trị hội tụ. Kết quả phân tích cho ta thấy các yếu tố đủ điều kiện để tiến hành phân tích các bước tiếp theo.

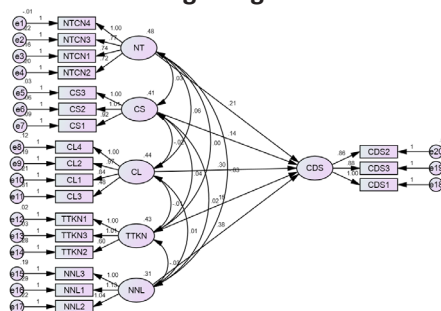
Hình 2: Kết quả phân tích CFA



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Kết quả mô hình phương trình cấu trúc

Hình 3: Cấu trúc mô hình sau khi hiệu chuẩn cuối cùng trong SEM



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Mô hình nghiên cứu gồm 05 yếu tố, sau khi kiểm tra CFA và SEM có 05 yếu tố độc lập đạt yêu cầu, bao gồm: (1) Tinh thần khởi nghiệp; (2) Nguồn nhân lực của doanh nghiệp; (3) Nền tảng công nghệ; (4) Chính sách pháp luật và sự hỗ trợ từ chính phủ; (5) Chiến lược kinh doanh số. Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp khởi nghiệp là một yếu tố phụ thuộc.

Bảng 6: Regression Weights

Giả thuyết	Tác động	Estimate	S.E.	C.R.	P	Kết luận
H1	CDS <--- NT	0.207	0.037	5.564	0,000	Chấp nhận
H2	CDS <--- CS	0.139	0.038	3.651	0,000	Chấp nhận
H3	CDS <--- CL	0.302	0.045	6.694	0,000	Chấp nhận
H4	CDS <--- TTKN	0.153	0.038	4.058	0,000	Chấp nhận
H5	CDS <--- NNL	0.376	0.057	6.632	0,000	Chấp nhận

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Kết quả cho thấy tất cả các mối tác động đều có ý nghĩa do p-value đều nhỏ hơn 0.05. Điều này chứng minh các giả thuyết đều được chấp nhận.

Đồng thời, dựa theo kết quả phân tích Regression Weights, ta thấy được mức độ tác động của các nhân tố đến quyết định chuyển đổi số của doanh nghiệp như sau: yếu tố nguồn nhân lực (NNL) có tác động mạnh nhất với hệ số hồi quy là 0.376, tiếp đến là các yếu tố: chiến lược chuyển đổi số (CL), Nền tảng công nghệ (NT), tinh thần khởi nghiệp (TTKN) với các hệ số hồi quy lần lượt là: 0.302, 0.207, 0.153, và yếu tố chính sách của pháp luật và hỗ trợ của chính phủ (CS) có mức độ tác động yếu nhất với hệ số hồi quy đạt 0.139.

Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Nghiên cứu nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số tại doanh nghiệp khởi nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Dựa trên các lý thuyết và mô hình liên quan, tác giả xây dựng mô hình gồm 5 yếu tố tác động, bao gồm: (1) Tinh thần khởi nghiệp; (2) Nguồn nhân lực; (3) Nền tảng công nghệ; (4) Chính sách pháp luật và hỗ trợ từ chính phủ; (5) Chiến lược kinh doanh số.

Phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng, dữ liệu được thu thập qua 2 giai đoạn: lấy ý kiến chuyên gia (n=10) và khảo sát 363 quản lý doanh nghiệp khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu định tính xác nhận các yếu tố tác động và phát triển bộ thang đo gồm 27 biến quan sát (biến độc lập) và 5 biến quan sát (biến phụ thuộc). Kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy thang đo đạt độ tin cậy cao.

Phân tích EFA xác nhận mô hình 5 yếu tố phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Pearson chỉ ra mối tương quan chặt chẽ giữa các biến. Hồi quy bội cho thấy mức độ ảnh hưởng giảm dần của các yếu tố: Nguồn nhân lực (B=0.376), Chiến lược chuyển đổi số (B=0.302), Nền tảng công nghệ (B=0.207), Tinh thần khởi nghiệp (B=0.153), Chính sách pháp luật & hỗ trợ chính phủ (B=0.139). Mô hình có độ phù hợp cao và không vi phạm giả định hồi quy.

Kiến nghị

Dựa trên kết quả phân tích mô hình hồi quy bội trong nghiên cứu, quá trình chuyển đổi số tại các doanh nghiệp khởi nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh chịu tác động của một số yếu tố quan trọng, được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị cụ thể nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số hiệu quả trong bối cảnh hiện nay.

Chính quyền thành phố cần mở rộng các chương trình hỗ trợ tài chính, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp triển khai các ý tưởng sáng tạo và áp dụng công nghệ số kịp thời. Bên cạnh đó, việc tổ chức các khóa học chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp trong thời đại số sẽ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp nắm bắt xu hướng và phát triển bền vững.

Thành phố cũng cần hợp tác với các tổ chức giáo dục và doanh nghiệp khởi nghiệp để thiết kế các chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho nguồn nhân lực, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị cơ sở dữ liệu. Đồng thời, cần khuyến khích việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ các khu vực khác, cũng như từ quốc tế, để tham gia vào các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp nên chủ động phối hợp với các chuyên gia và tổ chức công nghệ để tìm kiếm giải pháp hỗ trợ việc áp dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), và trí tuệ nhân tạo (AI).

Chính quyền cần tiếp tục rà soát và cải thiện các chính sách pháp lý, đồng thời xây dựng các gói hỗ trợ để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ cho quá trình chuyển đổi số.

Cuối cùng, các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp cần cung cấp các gói dịch vụ tư vấn, giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh số phù hợp với từng ngành nghề trong bối cảnh hiện tại. Ngoài ra, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần được kết nối với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển chiến lược kinh doanh toàn diện, hiệu quả, nhằm cạnh tranh trong môi trường thị trường số đang ngày càng khốc liệt.

Tài liệu tham khảo:

- Alcácer, V., & Cruz-Machado, V. (2019). Scanning the industry 4.0: A literature review on technologies for manufacturing systems. *Engineering Science and Technology, an International Journal*, 22(3), 899-919. <https://doi.org/10.1016/j.jestech.2019.01.006>
- Bouncken, R., & Barwinski, R. (2021). Shared digital identity and rich knowledge ties in global 3D printing A drizzle in the clouds? *Global Strategy Journal*, 11, 81-108. <https://doi.org/10.1002/gsj.1370>
- Chữ Bả Quyết. (2021). Khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số thành công của các doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, (233), 57-70.
- Chữ Bả Quyết, & Hoàng Cao Cường. (2020). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng ERP của các doanh nghiệp nhỏ tại Việt Nam sử dụng khung TOE. *Trong Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia, Thương mại điện tử và các giải pháp công nghệ thông tin*, NXB Thông Kê Hà Nội.
- Coviello, N., Kano, L., & Liesch, P. W. (2017). Adapting the Uppsala model to a modern world: Macro-context and microfoundations. *Journal of International Business Studies*, 48(9), 1151-1164. <https://doi.org/10.1057/s41267-017-0120-x>
- Dethine, B., Enjolras, M., & Monticcolo, D. (2020). Digitalization and SMEs' export management: Impacts on resources and capabilities. *Technology Innovation Management Review*, 10(4), 18-34.
- Fan, M., Qalati, S. A., Khan, M. A. S., Shah, S. M. M., Ramzan, M., & Khan, R. S. (2021). Effects of entrepreneurial orientation on social media adoption and SME performance: The moderating role of innovation capabilities. *PLOS ONE*, 16(4), e0247320. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0247320>
- Huang, B.-N., Huang, C.-Y., & Wu, C.-H. (2016). A TOE approach to establish a green supply chain adoption decision model in the semiconductor industry. *Sustainability*, 8(2), 168. <https://doi.org/10.3390/su8020168>
- Kohtamäki, M., Whittington, R., Vaara, E., & Rabetino, R. (2021). Making connections: Harnessing the diversity of strategy-as-practice research. *International Journal of Management Reviews*. In press.
- Nguyễn Thị Kim Anh. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số doanh nghiệp: Mô hình nghiên cứu và thang đo. *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, (10), 24-28.
- Putthiwat, S., Kamonchanok, S., & Pongsa, P. (2021). Factors influencing digital transformation of logistics service providers: A case study in Thailand. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(5), 241-251.
- Rafiki, A., Nasution, M. D. T. P., Rossanty, Y., & Sari, P. B. (2021). Organizational learning, entrepreneurial orientation and personal values towards SMEs' growth in Indonesia. *Journal of Science and Technology Policy Management*. <https://doi.org/10.1108/JSTPM-03-2020-0059>
- Sioianova, O. V., Lezina, T., & Ivanova, V. (2020). Corporate culture: Impact on companies' readiness for digital transformation. In M. A. Bach Tobji et al. (Eds.), *Digital Economy: Emerging Technologies and Business Innovation*. ICDIEC 2020. *Lecture Notes in Business Information Processing*, 395 (pp. 17-27). Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-030-64642-4_2
- Vandana, G. D., Sejian, V., Lees, A. M., Pragna, P., Silpa, M. V., & Maloney, S. K. (2021). Heat stress and poultry production: Impact and amelioration. *International Journal of Biometeorology*, 65, 163-179.
- Zhu, K., Kraemer, K. L., & Xu, S. (2006). The process of innovation assimilation by firms in different countries: A technology diffusion perspective on e-business. *Management Science*, 52(10), 1557-1576.